ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1699/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 11 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 23/01/2017 của Tỉnh ủy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

Xét Tờ trình số 90/TTr-SCT ngày 17/8/2017 của Giám đốc Sở Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2025, với những nội dung như sau:

1. Quan điểm:

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo,... Phát huy thế mạnh địa phương, tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ làm khâu đột phá để nâng cao giá trị gia tăng và tạo nền tảng phát triển công nghiệp bền vững.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng phát huy tối đa năng lực đầu tư của các thành phần kinh tế, đặc biệt chú trọng đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia vào mạng lưới sản xuất và trở thành nhà cung ứng cho các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp lớn.

- Ưu tiên kêu gọi phát triển công nghiệp hỗ trợ vào địa bàn khu kinh tế, các khu công nghiệp đã được quy hoạch.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ theo định hướng gia tăng nhanh hàm lượng công nghệ cao, giảm tối đa phát thải nhằm xác lập nền tảng công nghiệp sạch và xanh; không tiếp nhận các dự án đầu tư công nghệ lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao,...

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ đi đôi với bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

- Sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ chất lượng, giá trị cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề, kỹ thuật cao cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thời kỳ hội nhập.

- Tích cực thu hút đầu tư và đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc các lĩnh vực linh kiện phụ tùng và dệt may, da giày theo tiến độ phát triển và hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mang tính cạnh tranh cao.

- Xúc tiến và hỗ trợ mở rộng thị trường trong và ngoài nước cho các ngành công nghiệp hỗ trợ. Tạo mối liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp trong tỉnh với các tập đoàn, công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài.

- Số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đến cuối năm 2020 đạt là 15 doanh nghiệp, đến năm 2025 đạt khoảng 30 doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Lĩnh vực linh kiện phụ tùng:

- Phụ tùng linh kiện kim loại: Phấn đấu là một trong những địa phương có thế

mạnh (trong lĩnh vực đóng tàu và tích hợp với điện - điện tử) về ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành cơ khí chế tạo. Đến năm 2020 tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 16%/năm, chiếm tỷ trọng 13% trong giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ. Đến năm 2025 tăng trưởng bình quân 15%/năm, chiếm tỷ trọng 15% tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Linh kiện nhựa: Đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã; sản xuất chi tiết lắp ráp thành các mặt hàng nhựa gia dụng. Đến năm 2020 tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 39%/năm, chiếm tỷ trọng 2% trong giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ. Đến năm 2025 tăng trưởng bình quân 30%/năm, chiếm tỷ trọng 5% tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Linh kiện điện, điện tử - tin học: Sản xuất những linh kiện thông dụng thuộc lớp 3 (lắp ráp ngoài địa bàn tỉnh), những thiết bị kết hợp với cơ khí về đo lường, cân,... từng bước kêu gọi đầu tư phát triển đa dạng hóa các lĩnh vực lắp ráp khác. Đến năm 2020 tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 26%/năm, chiếm tỷ trọng 47% trong giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ. Đến năm 2025 tăng trưởng bình quân 21%/năm, chiếm tỷ trọng 55% tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp hỗ trợ.

b) Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may:

- Phát triển lĩnh vực phụ liệu phục vụ thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Đến năm 2020 tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 15%/năm, chiếm tỷ trọng 38% trong giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ. Đến năm 2025 tăng trưởng bình quân 13%/năm, chiếm tỷ trọng 25% tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp hỗ trợ.

c) Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp chế biến và công nghiệp công nghệ cao: Phát triển sản xuất vật liệu, thiết bị hỗ trợ chuyên dụng, phần mềm và dịch vụ phục vụ ngành công nghiệp chế biến và công nghệ cao.

3. Nội dung thực hiện:

3.1. Thông tin, tuyên truyền để phát triển công nghiệp hỗ trợ:

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về năng lực doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ và các chính sách hỗ trợ.

- Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Tổ chức hội thảo và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến các chính sách của Trung ương và của tỉnh, các thông tin về khoa học, kỹ thuật, thị trường liên quan đến phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3.2. Hỗ trợ liên kết vùng, hợp tác sản xuất, kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ:

- Hỗ trợ liên kết vùng, hợp tác sản xuất, liên kết công nghiệp hỗ trợ của tỉnh với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và các Viện, Trường.

- Rà soát, phân loại các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên về công nghiệp hỗ

trợ đánh giá năng lực, xác định nhu cầu hỗ trợ để xây dựng kế hoạch hỗ trợ sản xuất và thị trường tiêu thụ.

- Tổ chức hoặc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu, phổ biến các quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Triển khai các công nghệ mới phù hợp với yêu cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới, đổi mới trang thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất.

- Tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư, trong đó ưu tiên vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tham gia các diễn đàn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; hỗ trợ tìm kiếm phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

- Triển khai các chương trình, hoạt động hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thông qua các Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt cải cách thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn vay đầu tư phát triển để đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cả về số lượng và chất lượng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3.3. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

- Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và thu hút chuyên gia, lao động có trình độ cao đến làm việc tại các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật và đào tạo nghề cho lao động tại chỗ phù hợp và đáp ứng yêu cầu các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; đào tạo cho doanh nghiệp về quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu thực tế trong xu thế hội nhập.

3.4. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu:

- Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bản quyền, sáng chế, phần mềm; hoàn thiện và đổi mới công nghệ.

- Hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng vào sản xuất có hiệu quả.

- Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực.

- Phát huy các nguồn lực tự có, thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư nước ngoài và tranh thủ trình độ khoa học kỹ thuật của các nước, đặc biệt là các nước có trình độ khoa học kỹ thuật phát triển./.

3.5. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu:

- Khảo sát và đánh giá khả năng và nhu cầu của doanh nghiệp về áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất.

- Xây dựng công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ đánh giá công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất.

3.6. Danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư: *(Đính kèm Phụ lục 01).*

4. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí dự kiến khoảng 18.903.000.000 đồng (Mười tám tỷ chín trăm lẻ ba triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách: 12.330.000.000 đồng.

- Nguồn vốn khác (tài trợ, đóng góp của doanh nghiệp): 6.573.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 02, 03 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức hội thảo, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ; đồng thời, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cân đối, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Hàng năm, lập dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để triển khai nội dung Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi về Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Định kỳ khảo sát nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng lao động và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng sát hạch tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ

thuật, thợ lành nghề của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động đến người lao động trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ thực hiện các thủ tục thuê đất, thực hiện thủ tục môi trường theo quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh: Phối hợp với Sở Công Thương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ trong khu công nghiệp, khu kinh tế phát triển; kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế phục vụ cho công nghiệp hỗ trợ phát triển.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phát triển trên địa bàn.

10. Các sở, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động, phối hợp với Sở Công Thương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh.
- Như Điều 3;
- BLĐ VP.UBND tỉnh;
- Phòng: KT, NN;
- Lưu: VT, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

PHỤ LỤC 01
CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số: 1696 /QĐ-UBND ngày 11 /9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên dự án và các chi tiết
1	**Nhà máy sản xuất phụ tùng, cơ phận** Mục tiêu: đầu tư sản xuất phụ tùng cơ khí dân dụng và cơ khí nông nghiệp, thủy sản; tiến đến phát triển các sản phẩm cơ khí có tích hợp với nhựa, điện - điện tử trong các cụm linh kiện phụ tùng Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, khu kinh tế Định An. Có khả năng kết hợp theo cụm liên ngành với cụm công nghiệp Bà Trầm, Châu Thành Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 10.000 sản phẩm/năm. Vốn đầu tư: 70 tỷ đồng
2	**Nhà máy đúc cơ phận, chi tiết máy móc** Mục tiêu: đầu tư sản xuất đúc các chi tiết cơ khí phục vụ dân dụng và nông nghiệp, thủy sản; tiến đến phát triển công nghệ khuôn mẫu và cơ khí chính xác Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017- 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, khu kinh tế Định An. Quy mô: 2-3 nhà máy, tổng công suất 1.000 T/năm. Vốn đầu tư: 250 tỷ đồng
3	**Nhà máy sản xuất phụ tùng, chi tiết máy chính xác** Mục tiêu: đầu tư phụ tùng chi tiết đa công nghệ đạt độ chính xác cao; tiến đến tích hợp với nhựa, điện - điện tử trong các cụm linh kiện phụ tùng Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, khu công nghiệp Long Đức. Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 10.000 sản phẩm/năm. Vốn đầu tư: 45 tỷ đồng
4	**Nhà máy sản xuất bạc đạn các loại** Mục tiêu: đầu tư sản xuất bạc đạn cung ứng cho cụm linh kiện hoặc phụ tùng thay thế trong công nghiệp cơ khí, điện cơ Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Long Đức, Cổ Chiên. Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 300.000 sản phẩm/năm. Vốn đầu tư: 100 tỷ đồng
5	**Nhà máy sản xuất khuôn mẫu các loại** Mục tiêu: đầu tư sản xuất khuôn mẫu và công nghệ khuôn mẫu Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Long Đức. Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 5.000 cái/năm. Vốn đầu tư: 30 tỷ đồng
6	**Nhà máy chế tạo, lắp ráp thiết bị điện** Mục tiêu: chế tạo thiết bị điện phục vụ Trung tâm Điện lực Duyên Hải Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu kinh tế Định An. Có khả năng kết hợp theo cụm liên ngành với các cụm công nghiệp Long Sơn, Hiệp Mỹ Tây .

	Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 10.000 T/năm. Vốn đầu tư: 280 tỷ đồng
7	**Nhà máy gia công cơ khí phục vụ ngành chế biến** Mục tiêu: chế tạo các phụ tùng, linh kiện cho các dây chuyền chế biến thủy sản, nông sản, thực phẩm Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan, khu kinh tế Định An. Có khả năng kết hợp theo cụm liên ngành với các cụm công nghiệp Châu Thành, Bà Trầm, Tân Hòa, Phú Cần, Long Sơn, Hiệp Mỹ Tây . Quy mô: 2-3 nhà máy, tổng công suất 1.000 T/năm. Vốn đầu tư: 180 tỷ đồng
8	**Nhà máy sản xuất dụng cụ, linh kiện điện** Mục tiêu: chế tạo thiết bị điện phục vụ dân dụng; tiến đến tích hợp với ngành nhựa và điện - điện tử sản xuất các thiết bị điện cao cấp Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, khu kinh tế Định An. Có khả năng kết hợp theo cụm liên ngành với các cụm công nghiệp Châu Thành, Bà Trầm, Long Sơn, Hiệp Mỹ Tây. Quy mô: 2 nhà máy, tổng công suất 5 triệu sản phẩm/năm. Vốn đầu tư: 40 tỷ đồng
9	**Nhà máy sản xuất nhựa kỹ thuật phục vụ đóng tàu** Mục tiêu: chế tạo linh kiện nhựa đóng ghe, tàu và các chi tiết nhựa trong lĩnh vực đóng tàu, sà lan Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan, khu kinh tế Định An. Có khả năng kết hợp theo cụm liên ngành với các cụm công nghiệp Châu Thành, Bà Trầm, Long Sơn, Hiệp Mỹ Tây, Vàm Bến Cát, An Phú Tân. Quy mô: 2 nhà máy, tổng công suất 5. 000 T/năm. Vốn đầu tư: 200 tỷ đồng
10	**Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại** Mục tiêu: sản xuất bao bì nhựa cho công nghiệp chế biến thủy sản, nông sản, thực phẩm Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017-2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan. Quy mô: 2 nhà máy, tổng công suất 6. 000 T/năm. Vốn đầu tư: 50 tỷ đồng
11	**Nhà máy sản xuất bao bì các loại nhựa cao cấp** Mục tiêu: sản xuất bao bì nhựa cao cấp, kết hợp với công nghệ in cho công nghiệp chế biến thủy sản, nông sản, thực phẩm và cụm linh kiện phụ tùng Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, khu kinh tế Định An. Quy mô: 2 nhà máy, tổng công suất 3. 000 T/năm. Vốn đầu tư: 160 tỷ đồng
12	**Nhà máy lắp ráp và chế tạo hàng điện tử** Mục tiêu: lắp ráp các sản phẩm điện tử, cụm linh kiện điện tử; tiến đến phát triển các cụm linh kiện hoàn chỉnh có tích hợp phần mềm. Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Long Đức, Cổ Chiên, khu kinh tế Định An. Quy mô: 3 nhà máy, tổng công suất 10.000 sản phẩm/năm.

	Vốn đầu tư: 45 tỷ đồng
13	**Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử** Mục tiêu: sản xuất gia công các linh kiện điện - điện tử phục vụ lắp ráp cụm linh kiện Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, khu kinh tế Định An. Quy mô: 2 nhà máy, tổng công suất 3 triệu sản phẩm/năm. Vốn đầu tư: 50 tỷ đồng
14	**Nhà máy sản xuất phụ liệu may các loại** Mục tiêu: sản xuất phụ liệu ngành dệt may cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan. Quy mô: 2-3 nhà máy, tổng công suất 100 triệu cái/năm. Vốn đầu tư: 120 tỷ đồng
15	**Nhà máy sản xuất dây kéo các loại** Mục tiêu: sản xuất phụ liệu ngành dệt may cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan. Quy mô: 2-3 nhà máy, tổng công suất 10 triệu cái/năm. Vốn đầu tư: 200 tỷ đồng
16	**Nhà máy sản xuất nhãn mác các loại** Mục tiêu: sản xuất phụ liệu ngành dệt may cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan. Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 20 triệu cái/năm. Vốn đầu tư: 100 tỷ đồng
17	**Nhà máy sản xuất đế, gót giày các loại** Mục tiêu: sản xuất phụ liệu ngành giày da cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh Thời gian: kêu gọi đầu tư 2017 - 2025 Địa điểm: khu công nghiệp Cổ Chiên, Cầu Quan. Quy mô: 1-2 nhà máy, tổng công suất 10 triệu cái/năm. Vốn đầu tư: 35 tỷ đồng

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020				Giai đoạn 2017-2020			Ghi chú
			Nguồn vốn				Nguồn vốn				Nguồn vốn				Nguồn vốn				Nguồn vốn			
			SL	Tổng	NS ĐP	Nguồn khác	SL	Tổng	NS ĐP	Nguồn khác	SL	Tổng	NS ĐP	Nguồn khác	SL	Tổng	NS ĐP	Nguồn khác	Tổng	NS ĐP	Nguồn khác	
I	**Chương trình hỗ trợ thông tin, tuyên truyền để phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT)**			**98**	**98**			**60**	60			**40**	40			**70**	70		**268**	268	0	
1	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về năng lực doanh nghiệp (DN) sản xuất CNHT và chính sách	DN	20	98	98														98	98	0	Theo quy định
2	Tổ chức hội thảo để phổ biến các chính sách các thông tin về khoa học, kỹ thuật, thị trường về phát triển CNHT	Cuộc					1	30	30						1	30	30		60	60	0	Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010
3	Tuyên truyền các chính sách thông tin về khoa học, kỹ thuật, thị trường	Năm					1	10	10		1	20	20		1	20	20		50	50	0	Theo quy định

4	Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm CNHT	Năm					1	20	20		1	20	20		1	20	20		60	60	0	Theo quy định
II	**Chương trình hỗ trợ, kết nối DN công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực CNHT**			**20**	20			**670**	305	365		**680**	260	420		**1.080**	465	615	**2450**	1.050	1.400	
1	Rà soát, phân loại các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên về công nghiệp hỗ trợ đánh giá năng lực, xác định nhu cầu hỗ trợ để xây dựng kế hoạch hỗ trợ sản xuất và thị trường tiêu thụ	DN		20	20														20	20	0	Theo quy định
2	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Khóa đào tạo					1	50	50						1	50	50		100	100	0	
3	Tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, đổi mới trang thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất	DN					1	500	###	330	1	500	170	330	1	600	200	400	1600	540	1060	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014

4	Tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT	Hội thảo					1	50	50						1	100	50	50	150	100	50	Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;	DN					1	40	20	20	2	80	40	40	3	200	100	100	320	160	160	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014
6	Hỗ trợ tham gia các diễn đàn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam với các doanh nghiệp trong và ngoài nước;	DN					2	30	15	15					2	30	15	15	60	30	30	Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 15/4/2016
7	Hỗ trợ tìm kiếm phát triển thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước	DN									1	100	50	50	1	100	50	50	200	100	100	
III	**Chương trình đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**							**140**	120	20		**100**	50	50		**50**	50		**290**	220	70	
1	Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo nhân lực của doanh nghiệp CNHT	Cuộc					1	40	20	20									40	20	20	Theo quy định
2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNHT	Kế hoạch					1	50	50										50	50	0	

3	Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật và đào tạo nghề cho lao động tại chỗ phù hợp và đáp ứng yêu cầu các DN CNHT	lớp					1	50	50		1	50	50		1	50	50		150	150	0	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
IV	**Chương trình hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu**							**220**	120	100		**1.910**	1.505	405		**2.200**	1.675	525	**4.330**	3.300	1.030	
1	Hỗ trợ DN tham gia các hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu, phổ biến các quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm CNHT	DN					2	20	20		3	60	30	30	5	50	50		130	100	30	Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010
2	Hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho DN	DN									1	1.500	1.275	225					1500	1275	225	Theo quy định
3	Hỗ trợ DN CNHT hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm	DN													1	1.500	1.275	225	1500	1275	225	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014
4	Hỗ trợ DN tiếp nhận công nghệ	DN					1	100	50	50	2	100	50	50	1	100	50	50	300	150	150	
5	Hỗ trợ DN mua bản quyền, sáng chế, phần mềm	DN					1	100	50	50					1	300	150	150	400	200	200	Theo quy định

6	Hỗ trợ DN thuê chuyên gia nước ngoài	DN									1	200	100	100	1	200	100	100	400	200	200	
7	Hỗ trợ DN đào tạo nguồn nhân lực;	DN									1	50	50		1	50	50			100	0	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
V	**Hỗ trợ DN áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị DN, quản trị sản xuất**							**250**	200	50		**520**	270	250		**290**	170	120	**1.060**	640	420	
1	Khảo sát và đánh giá khả năng và nhu cầu của DN về áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất	DN					6	50	50										50	50	0	Theo quy định
2	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để DN áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất	DN					2	150	100	50	2	120	70	50	2	150	100	50	420	270	150	
3	Tổ chức đào tạo cho DN về quản trị DN, quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu thực tế trong xu thế hội nhập;	Lớp					1	50	50		1	100	50	50	2	140	70	70	290	170	120	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
4	Hỗ trợ DN đánh giá công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất.	Cuộc									1	300	150	150					300	150	150	Theo quy định
Tổng cộng				**118**	118			**1.340**	805	535		**3.250**	2.125	1.125		**3.690**	2.430	1.260	**8.398**	5.478	2.920	

PHỤ LỤC 03

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn vốn		Thành tiền	Ghi chú
				SNĐP	Nguồn vốn khác		
I	**Chương trình hỗ trợ thông tin, tuyên truyền để phát triển công nghiệp hỗ trợ**			**336**	**0**	**336**	
1	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về năng lực doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ và các chính sách hỗ trợ.	DN	30	123		123	Theo quy định
2	Tổ chức hội thảo để phổ biến các chính sách của Trung ương và của tỉnh, các thông tin về khoa học, kỹ thuật, thị trường liên quan đến phát triển công nghiệp hỗ trợ	Cuộc	2	75		75	Quyết định số 06/2010/ QĐ-UBND ngày 28/9/2010
3	Hỗ trợ tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến các chính sách của Trung ương và của tỉnh, các thông tin về khoa học, kỹ thuật, thị trường liên quan đến phát triển công nghiệp hỗ trợ	Năm	5	63		63	Theo quy định
4	Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm CNHT	Năm	5	75		75	
II	**Chương trình hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ**			**1.313**	**1.751**	**3.064**	
1	Rà soát, phân loại các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên về công nghiệp hỗ trợ đánh giá năng lực, xác định nhu cầu hỗ trợ để xây dựng kế hoạch hỗ trợ sản xuất và thị trường tiêu thụ	DN	30	25		25	Theo quy định

2	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Khóa đào tạo	3	125		125	
3	Tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, đổi mới trang thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất	DN	5	675	1.325	2.000	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014
4	Tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT	Hội thảo	2	125	63	188	Quyết định số 06/2010/ QĐ-UBND ngày 28/9/2010
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;	DN	10	200	200	400	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014
6	Hỗ trợ tham gia các diễn đàn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam với các doanh nghiệp trong và ngoài nước;	DN	5	38	38	76	Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 15/4/2016
7	Hỗ trợ tìm kiếm phát triển thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước	DN	3	125	125	250	
III	**Chương trình đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm CNHT**			**275**	**88**	**363**	
1	Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo nhân lực của DN CNHT	DN	30	25	25	50	Theo quy định
2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của DN sản xuất sản phẩm CNHT	Kế hoạch	2	63	0	63	
3	Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật và đào tạo nghề cho lao động tại chỗ phù hợp và đáp ứng yêu cầu các DNCNHT	lớp	4	188		188	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
IV	**Chương trình hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu**			**4.126**	**1.288**	**5.414**	
1	Hỗ trợ DN tham gia các hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu, phổ biến các quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm CNHT	DN	12	125	38	163	Quyết định số 06/2010/ QĐ-UBND ngày 28/9/2010
2	Hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các DN	DN	3	1.594	281	1.875	Theo quy định
3	Hỗ trợ DN công nghiệp hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm	DN	3	1.594	281	1.875	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 10/7/2014
4	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ	DN	5	188	188	376	

5	Hỗ trợ doanh nghiệp mua bản quyền, sáng chế, phần mềm	DN	3	250	250	500	Theo quy định
6	Hỗ trợ doanh nghiệp thuê chuyên gia nước ngoài	DN	3	250	250	500	
7	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực;	DN	4	125		125	
V	**Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất**			**802**	**526**	**1.328**	
1	Khảo sát và đánh giá khả năng và nhu cầu của doanh nghiệp về áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất	DN	10	63		63	Theo quy định
2	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất	DN	7	338	188	526	
3	Tổ chức đào tạo cho doanh nghiệp về quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu thực tế trong xu thế hội nhập	Lớp	5	213	150	363	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
4	Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất.	Cuộc	1	188	188	376	Theo quy định
	Tổng cộng			**6.852**	**3.653**	**10.505**	